

CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH GIA LAI

Số /BC-THADS

Gia Lai, ngày tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO

**Kết quả công tác thi hành án dân sự, theo dõi thi hành án hành chính
6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ công tác 6 tháng cuối năm 2026**
(Phục vụ Kỳ họp thường lệ giữa năm 2026, HĐND tỉnh khóa XIII, nhiệm kỳ 2026-2031)

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện Thông báo số 49/TB-TTHĐND ngày 09/6/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chuẩn bị nội dung, chương trình Kỳ họp thường lệ giữa năm 2026, khoá XIII, nhiệm kỳ 2026-2031, Thi hành án dân sự (THADS) tỉnh báo cáo kết quả công tác thi hành án dân sự, theo dõi thi hành án hành chính 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ công tác 6 tháng cuối năm 2026 như sau:

I. CÔNG TÁC QUẢN LÝ, CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

Thực hiện Nghị quyết số 96/2019/QH14 ngày 29/11/2019 của Quốc hội về công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật, công tác của Viện kiểm sát nhân dân, của Tòa án nhân dân và công tác thi hành án; Quyết định số 662/QĐ-CQLTHADS ngày 31/12/2025 của Cục Quản lý THADS về việc giao chỉ tiêu, nhiệm vụ về THADS cho các cơ quan THADS địa phương, Thi hành án dân sự tỉnh đã xây dựng, ban hành kế hoạch công tác, giao chỉ tiêu, nhiệm vụ thi hành án dân sự, theo dõi thi hành án hành chính năm 2026 cho Phòng Thi hành án dân sự khu vực làm cơ sở để triển khai, thực hiện việc tổ chức THADS ngay từ đầu năm 2026; chỉ đạo kịp thời về ra quyết định thi hành án, xác minh, phân loại án đảm bảo phải chính xác, đúng theo quy định của pháp luật, trong đó, đề ra các giải pháp đồng bộ để tập trung chỉ đạo thi hành các vụ việc có điều kiện thi hành, án trọng điểm, thu hồi tài sản bị chiếm đoạt, thất thoát trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế; các vụ việc tín dụng, ngân hàng; giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài.

Tập trung chỉ đạo xây dựng Nền tảng số THADS để phục vụ cho việc kết nối, vận hành, chia sẻ dữ liệu THADS; số hoá toàn bộ hồ sơ thi hành án dân sự lên Phần mềm Tổ chức thi hành án, đã nhập trên 39.300 hồ sơ THADS lên Phần mềm, đồng thời tiếp tục rà soát làm sạch, chuẩn hóa dữ liệu để phục vụ cho việc khai

thác, vận hành Nền tảng số THADS; thực hiện sử dụng chữ ký số đối với 100% văn bản nội bộ; xử lý văn bản điện tử trên phần mềm góp phần chung vào công tác chuyển đổi số trong giai đoạn hiện nay.

Kịp thời phối hợp với các cơ quan Trung ương, địa phương bàn giao 07 cơ sở nhà, đất dôi dư; tiếp nhận 03 trụ sở có công năng phù hợp để bố trí nơi làm việc cho Phòng Thi hành án dân sự khu vực trong tỉnh.

Xây dựng kế hoạch, tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục, pháp luật trong THADS, trong đó tập trung công tác tuyên truyền, phổ biến Luật THADS năm 2025, có hiệu lực thi hành 01/7/2026; làm tốt công tác dân vận chính quyền trong hoạt động của THADS.

II. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG CÔNG TÁC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ, THEO DÕI THI HÀNH ÁN HÀNH CHÍNH

1. Kết quả thi hành án dân sự

1.1. Kết quả thi hành án về việc và tiền (từ ngày 01/01/2026 đến 15/6/2026)

- Về việc: Tổng số phải thi hành là 23.326 việc, so với cùng kỳ năm 2025, tổng số việc phải thi hành tăng 1.322 việc (tăng 6,01%), trong đó: số có điều kiện thi hành là 15.882 việc (chiếm 68,08%) và số chưa có điều kiện là: 7.444 việc (chiếm 31,92%). Trong số có điều kiện, đã thi hành xong 7.299 việc, đạt tỷ lệ 45,96%. So với cùng kỳ năm 2025, thi hành xong giảm 8,3% về tỷ lệ; Số việc chuyển kỳ sau 16.027 việc (chỉ tiêu được giao năm 2026 là 84,70%) **(Phụ lục 1)**.

- Về tiền: Tổng số phải thi hành là 9.184.422.898.000 đồng, so với cùng kỳ năm 2025, tổng số tiền phải thi hành tăng 1.136.904.971.000 đồng (tăng 14,13%), trong đó: số có điều kiện thi hành là 4.879.875.262.000 đồng (chiếm 53,13%) và số chưa có điều kiện là 4.304.547.636.000 đồng (chiếm 46,87%). Trong số có điều kiện, đã thi hành xong 1.170.315.580.000 đồng, đạt tỷ lệ 23,98%. So với cùng kỳ năm 2025, thi hành xong tăng 3,03% về tỷ lệ; Số tiền chuyển kỳ sau là 8.014.107.318.000 đồng (chỉ tiêu được giao năm 2026 là 56,80%) **(Phụ lục 2)**.

1.2. Về thi hành án liên quan đến các tổ chức tín dụng, ngân hàng

Số việc phải thi hành là 2.117 việc tương ứng với số tiền là 5.343.165.334.000 đồng (chiếm 9,08% về việc và 58,18% về tiền so với tổng số việc và tiền phải thi hành). Số việc có điều kiện thi hành: 1.183 việc, tương ứng với số tiền phải thi hành là 3.317.454.535.000 đồng; Số việc chưa có điều kiện: 934 việc, tương ứng số tiền chưa có điều kiện là 2.025.710.799.000 đồng. Kết quả: đã

thi hành xong 156 việc tương ứng với số tiền là 299.543.483.000 đồng, đạt tỷ lệ 13,19% về việc và 8,86% về tiền (**Phụ lục 3**).

1.3. Kết quả thu hồi tiền, tài sản trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế.

- Về việc: Số việc phải thi hành 83 việc, trong đó: số việc có điều kiện thi hành 42 việc (chiếm 50,60% so với tổng số việc phải thi hành); Số việc chưa có điều kiện thi hành 38 việc (chiếm 45,78% so với số việc phải thi hành); hoãn thi hành án: 03 việc (chiếm 3,62% so với số việc phải thi hành); đang thi hành: 24 việc; số việc thi hành xong 18/42 việc có điều kiện thi hành, đạt 42,86%.

- Về tiền: Tổng số tiền phải thi hành 33.521.590.000 đồng, trong đó: số tiền có điều kiện thi hành 6.518.891.000 đồng (chiếm 19,45% so với số tiền phải thi hành); số tiền chưa có điều kiện thi hành: 26.120.906.000 đồng (chiếm 77,92% so với số tiền phải thi hành); hoãn thi hành án: 881.793.000 đồng (chiếm 2,63% so với số tiền phải thi hành); đang thi hành: 2.084.270.000 đồng; thi hành xong: 4.434.621.000 đồng/6.518.891.000 đồng có điều kiện thi hành, đạt tỷ lệ 68,02%.

Trong công tác thi hành án liên quan đến các vụ việc tham nhũng, kinh tế của tỉnh không phát sinh các vụ việc thuộc diện Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực Trung ương, Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cấp tỉnh theo dõi (**Phụ lục 4**).

1.4. Kết quả bán đấu giá tài sản

- Về kết quả bán đấu giá thành: Trong 6 tháng đầu năm, tổng số đã bán đấu giá thành 100 vụ việc với số tiền là 359.844.261.000 đồng. Trong đó: đã tổ chức giao xong 69 vụ việc với số tiền là 195.647.223.000 đồng; Chưa giao được tài sản: 31 vụ việc với số tiền là 164.197.038.000 đồng.

- Kết quả bán đấu giá chưa thành: Tổng số việc đã bán đấu giá nhiều lần nhưng chưa thành: 107 việc với số tiền: 446.702.465.000 đồng (**Phụ lục 5**).

1.5. Kết quả tổ chức cưỡng chế thi hành án

Trong 6 tháng, đã ra quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án đối với 107 trường hợp, trong đó: có 89 cuộc cưỡng chế không huy động lực lượng, 18 cuộc cưỡng chế có huy động lực lượng. Kết quả: đã tổ chức cưỡng chế xong 54 vụ việc, còn 53 vụ việc đang phối hợp để tổ chức cưỡng chế trong thời gian đến (**Phụ lục 6**).

2. Công tác theo dõi thi hành án hành chính

Trong 6 tháng đầu năm, Thi hành án dân sự tỉnh thực hiện theo dõi 17 bản án, quyết định (12 bản án chưa có quyết định buộc THAHC, 05 bản án có quyết định buộc THAHC), trong đó: năm trước chuyển sang: 10 bản án, quyết định; thụ lý mới: 07 bản án, quyết định. Kết quả: đã thi hành xong 04 bản án chưa có quyết định buộc THAHC; 02 bản án, quyết định có Quyết định kháng nghị của cơ quan có thẩm quyền nên tạm đình chỉ; đang theo dõi thi hành 11 bản án, quyết định (**Phụ lục 7**).

3. Công tác tiếp công dân; giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo

3.1. Công tác tiếp công dân

- Từ ngày 01/01/2026 đến 15/06/2026, tại phòng tiếp công dân của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai đã tổ chức tiếp 12 lượt/16 người/10 vụ việc; trong đó, Lãnh đạo cơ quan tiếp: 06 lượt/06 người/05 vụ việc.

- Về nội dung tiếp dân gồm: 10 việc kiến nghị, phản ánh và yêu cầu giải quyết về thi hành án dân sự. Số vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết: 10 việc, đã giải quyết xong: 10/10 việc, đạt tỷ lệ 100%.

3.2. Công tác giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo

Trong 6 tháng 2026, Thi hành án dân sự tỉnh đã thụ lý giải quyết 15 việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền (Trong đó có 12 việc khiếu nại và 03 việc tố cáo); đã giải quyết xong 12/15 việc (11 việc khiếu nại, 01 việc tố cáo), đạt tỷ lệ: 75%; đang giải quyết: 03 việc (01 việc khiếu nại, 02 việc tố cáo) (**Phụ lục 8**).

5. Công tác tham mưu và phối hợp trong thi hành án dân sự

5.1. Công tác tham mưu UBND tỉnh, Ban chỉ đạo THADS tỉnh

Để góp phần thực hiện hiệu quả công tác phổ biến, tuyên truyền Luật THADS đã chủ động tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch tuyên truyền Luật THADS năm 2025, có hiệu lực từ ngày 01/7/2026, theo đó THADS đã tích cực trong việc chuẩn bị các điều kiện trong công tác tuyên truyền, ban hành Tổ triển khai, tuyên truyền và xây dựng bộ câu hỏi, đáp án có liên quan đến những điểm mới trong Luật THADS năm 2025. Đã tham mưu cho Ban Chỉ đạo THADS tỉnh làm việc với các cơ quan có liên quan trong chỉ đạo, đôn đốc giải quyết các vụ việc còn phát sinh vướng mắc như vụ Công ty Cửu Long; vụ Nhà máy nước Chư Sê.

5.2. Công tác phối hợp trong THADS

Đã chủ động phối hợp với các cơ quan Toà án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân; Công an tỉnh, Trại giam Gia Trung, Trại giam Kim Sơn để ký kết Quy chế phối hợp liên ngành trong THADS và tổ chức hoạt động theo các Quy chế phối hợp đã ký kết đảm bảo chất lượng, hiệu quả; tham mưu, theo dõi, chỉ đạo công tác THADS, nhất là những vụ việc có khó khăn, vướng mắc, theo đó đã phối hợp và cưỡng chế thành công 02 vụ Nguyễn Thị Sắc, Nguyễn Thị Hiếu.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Trong 6 tháng đầu năm 2026, công tác thi hành án dân sự trên địa bàn tỉnh Gia Lai được triển khai đồng bộ, quyết liệt và đạt nhiều kết quả tích cực. Tỷ lệ giải quyết xong về tiền tăng 3,03% so với cùng kỳ năm trước. Các cơ quan Thi hành án dân sự tập trung chỉ đạo xử lý các vụ việc có điều kiện thi hành, nhất là các vụ việc có giá trị lớn, phức tạp, qua đó giải quyết dứt điểm nhiều vụ việc tồn đọng kéo dài. Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện kịp thời, đúng quy định, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Công tác chuyển đổi số tiếp tục được đẩy mạnh thông qua việc triển khai Nền tảng số trong lĩnh vực thi hành án dân sự, sử dụng hiệu quả Phần mềm quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp của Bộ Tư pháp, thực hiện ký số 100% văn bản nội bộ.

Bên cạnh đó, các đơn vị đã chủ động tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch tuyên truyền, triển khai Luật Thi hành án dân sự năm 2025 có hiệu lực từ ngày 01/7/2026 với nhiều hình thức đa dạng, thiết thực. Đồng thời, phát động các phong trào thi đua chào mừng kỷ niệm 80 năm Ngày Truyền thống Thi hành án dân sự (19/7/1946 - 19/7/2026), gắn với đẩy mạnh giải quyết án, cập nhật và số hóa hồ sơ trên phần mềm quản lý.

2. Tồn tại, hạn chế; khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

a) Tồn tại, hạn chế

Kết quả thi hành án dân sự so cùng kỳ năm 2025 còn thấp; một số vụ việc khó khăn, vướng mắc chưa giải quyết dứt điểm; còn có vụ việc bán đấu giá thành nhưng chưa giao được tài sản cho người mua trúng đấu giá.

b) Khó khăn, vướng mắc

- Số lượng việc phải thi hành án 6 tháng đầu năm tăng cao hơn so với cùng kỳ năm 2025 là 1.322 việc (tăng 6,01%), trong khi đó biên chế, số lượng Chấp hành viên giảm, ảnh hưởng đến việc giải quyết án.

- Sau sáp nhập, địa bàn rộng, việc đi lại tổ chức thi hành án khó khăn; cơ sở vật chất, điều kiện làm việc của một số đơn vị trực thuộc chưa đáp ứng yêu cầu công việc theo mô hình mới; chế độ, chính sách để hỗ trợ công chức sau sáp nhập chưa được qui định nên chưa động viên công chức trong công tác.

- Một số vụ việc tài sản thi hành án là đất ở, nhà ở; các vụ việc bản án tuyên xử lý tài sản đảm bảo để thi hành án, nhưng qua xác minh thực tế thì tài sản chưa đảm bảo tính pháp lý, giới cận đất đai còn chồng lấn, không xác định rõ ràng vị trí, mốc giới, diện tích thừa, thiếu; phát sinh tài sản khác trên đất không phải tài sản thế chấp; tài sản đảm bảo liên quan đến vấn đề an sinh xã hội nên việc giao đất, tài sản hoặc xử lý tài sản đảm bảo gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, như: vụ Công ty TNHH TM Tuấn Hồng (Phòng THADS khu vực 4); vụ Công ty Cổ phần cấp nước Chư Sê, Doanh nghiệp tư nhân Minh Đức (THADS tỉnh); có vụ việc chưa xác định bên nhận chuyển giao quyền và nghĩa vụ thi hành án sau khi sáp nhập chính quyền địa phương 2 cấp nên chưa có căn cứ để tổ chức thi hành án (vụ Phòng Giáo dục - Đào tạo Chư Puh cũ, là bên được THA).

c) Nguyên nhân

*** Nguyên nhân chủ quan**

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai, thực hiện nhiệm vụ, nhất là sau khi sáp nhập của một số đơn vị thuộc Thi hành án dân sự tỉnh chưa theo kịp với yêu cầu công việc mới, nhất là việc phối hợp với các cơ quan có liên quan trong công tác thi hành án dân sự. Trình độ, kỹ năng của công chức ở một số đơn vị chưa đồng đều, chậm thích nghi với mô hình mới nên có lúc việc triển khai, thực hiện nhiệm vụ chưa kịp thời.

*** Nguyên nhân khách quan**

- Số lượng việc và tiền 6 tháng đầu năm tăng so cùng kỳ năm 2025; công tác phối hợp trao đổi, xử lý vụ việc của một số cơ quan có liên quan còn chậm, nên việc xử lý tài sản thi hành án, nhất là cưỡng chế giao tài sản cho người trúng đấu giá chưa được thực hiện kịp thời; việc tiếp nhận, xử lý tài sản sung công, tiêu hủy vật chứng của một số cơ quan liên quan tại một số Phòng THADS khu vực chưa đồng bộ, kịp thời.

- Nhiều trường hợp người phải thi hành án cố tình chây ỳ, không tự nguyện thi hành, trì hoãn, lợi dụng khiếu nại, tố cáo nhằm kéo dài thời gian thi hành án; nhiều đối tượng bỏ đi khỏi địa phương, không rõ nơi cư trú gây khó khăn, kéo dài việc thi hành án.

- Hoạt động thi hành án dân sự rất phức tạp, thường xuyên phát sinh nhiều khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn; pháp luật về thi hành án dân sự còn bất cập, còn có qui định chưa phù hợp với thực tiễn nhưng chưa được sửa đổi kịp thời nên việc áp dụng có lúc còn lúng túng, tổ chức thi hành án chưa kịp thời.

IV. NHIỆM VỤ , GIẢI PHÁP CÔNG TÁC 6 THÁNG CUỐI NĂM 2026

1. Nhiệm vụ, giải pháp

a) Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thi hành án dân sự, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 2026 theo Nghị quyết của Quốc hội, Chương trình công tác trọng tâm và Quyết định giao chỉ tiêu, nhiệm vụ thi hành án dân sự, theo dõi thi hành án hành chính của Bộ Tư pháp.

b) Thường xuyên rà soát, xác minh, phân loại án đảm bảo chính xác, đúng pháp luật; có kế hoạch, giải pháp cụ thể đẩy nhanh tiến độ thi hành án các vụ việc có điều kiện thi hành, các vụ việc khó khăn, phức tạp, có giá trị lớn; chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan, Công an tỉnh và Công an cấp xã trong việc tổ chức cưỡng chế thi hành án đối với vụ việc cần huy động lực lượng. Tiếp tục quản lý chặt chẽ hoạt động thẩm định giá, bán đấu giá tài sản; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ các Phòng THADS khu vực hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao.

c) Tăng cường công tác kiểm tra; nâng cao chất lượng, hiệu quả tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo trong thi hành án dân sự, hạn chế phát sinh các khiếu nại, tố cáo vượt cấp. Tăng cường công tác chỉ đạo hướng dẫn nghiệp vụ, tuân thủ chặt chẽ quy trình tổ chức thi hành án; kịp thời khắc phục những thiếu sót về nghiệp vụ thi hành án.

d) Kịp thời tham mưu Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo THADS tỉnh chỉ đạo thực hiện nghiêm các bản án, quyết định hành chính có nội dung theo dõi, thi hành; tham mưu tháo gỡ những vụ việc có khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thi hành án, các vụ việc phức tạp, có khả năng ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

đ) Tăng cường công tác ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, cải cách hành chính trong quản lý, chỉ đạo điều hành và chuyên môn nghiệp vụ THADS; tập trung khai thác, sử dụng hiệu quả Nền tảng số trong THADS, tiếp tục cập nhật, làm sạch, chuẩn hoá dữ liệu về hồ sơ THADS trên phần mềm, góp phần minh bạch công tác tổ chức THADS; tích cực, chủ động thực hiện công tác truyền

thông, xử lý thông tin báo chí, tạo điều kiện để người dân, doanh nghiệp phối hợp, chấp hành tốt các qui định pháp luật về THADS.

2. Đề xuất, kiến nghị:

Để việc kịp thời thực hiện các bản án, quyết định về vụ án hành chính có nội dung theo dõi hiệu quả, kính đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thường xuyên theo dõi, giám sát người phải thi hành án trong việc chấp hành các bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính.

Trên đây là kết quả công tác thi hành án dân sự, theo dõi thi hành án hành chính 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ, giải pháp công tác 6 tháng cuối năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh, kính báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu HĐND tỉnh theo dõi, giám sát./.

Nơi nhận:

- TT.Tỉnh ủy;
- TT.HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh,
- Trưởng BCĐTHADS tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Phó trưởng THADS;
- Các đơn vị thuộc THADS tỉnh;
- Lưu: VT, VP.

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Nguyễn Xuân Hồng

Biểu số: 01/TK-THADS
Ban hành theo TT số: 05/2024/TT-BTP
ngày 10 tháng 6 năm 2024
Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẰNG VIỆC CHIA THEO
CƠ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ VÀ CHẤP HÀNH VIÊN
Từ 01/01/2026 đến 15/6/2026

Đơn vị báo cáo: THADS tỉnh Gia Lai
Đơn vị nhận báo cáo: Cục quản lý
THADS

Đơn vị tính: Việc và %

STT	Tên chỉ tiêu	Tổng số giải quyết	Chia ra:		Ủy thác THA	Thu hồi, hủy quyết định THA	Tổng số phải thi hành	Chia ra:										Số chuyển kỳ sau (trừ số chưa có điều kiện THA đã chuyển sổ theo dõi riêng)	Tỷ lệ thi hành xong trong số có điều kiện
			Năm trước chuyển sang (trừ số chưa có điều kiện THA đã chuyển sổ theo dõi riêng)	Thụ lý mới				Tổng số có điều kiện thi hành	Chia ra:					Chưa có điều kiện THA (trừ số đã chuyển sổ theo dõi riêng)	Hoãn THA (trừ số hoãn theo điểm c khoản 1 Điều 48)	Tạm đình chỉ THA	Trường hợp khác		
									Tổng số thi hành xong	Chia ra:		Đang thi hành	Hoãn THA theo điểm c khoản 1 điều 48						
										Thi hành xong	Đình chỉ THA								
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	Tổng cộng	23,388	15,235	8,153	12	50	23,326	15,882	7,299	7,181	118	8,579	4	6,513	325	11	595	16,027	45.96%
	VP THADS tỉnh	527	365	162	-	-	527	399	198	194	4	201	-	113	13	-	2	329	49.62%
	Các Phòng THADS KV	22,861	14,870	7,991	12	50	22,799	15,483	7,101	6,987	114	8,378	4	6,400	312	11	593	15,698	45.86%
1	Phòng THADS KV 1	2,513	1,236	1,277	7	3	2,503	1,843	1,133	1,108	25	710	-	617	14	1	28	1,370	61.48%
2	Phòng THADS KV 2	2,001	1,123	878	1	3	1,997	1,523	748	741	7	775	-	373	42	-	59	1,249	49.11%
3	Phòng THADS KV 3	1,799	1,177	622	-	2	1,797	1,295	546	538	8	749	-	483	17	-	2	1,251	42.16%
4	Phòng THADS KV 4	682	329	353	-	-	682	596	314	314	-	280	2	45	33	-	8	368	52.68%
5	Phòng THADS KV 5	474	288	186	-	-	474	339	163	156	7	176	-	119	13	-	3	311	48.08%
6	Phòng THADS KV 6	1,747	898	849	-	13	1,734	1,348	770	757	13	578	-	196	96	1	93	964	57.12%
7	Phòng THADS KV 7	3,527	2,471	1,056	2	5	3,520	2,287	852	843	9	1,435	-	1,207	15	3	8	2,668	37.25%
8	Phòng THADS KV 8	1,466	1,041	425	-	4	1,462	1,104	401	398	3	703	-	323	9	-	26	1,061	36.32%
9	Phòng THADS KV 9	1,362	1,051	311	1	1	1,360	773	333	326	7	440	-	331	11	1	244	1,027	43.08%
10	Phòng THADS KV 10	1,234	896	338	-	2	1,232	710	329	325	4	381	-	476	35	1	10	903	46.34%
11	Phòng THADS KV 11	2,031	1,675	356	1	12	2,018	979	354	350	4	624	1	983	13	-	43	1,664	36.16%
12	Phòng THADS KV 12	1,855	1,222	633	-	3	1,852	1,274	549	542	7	725	-	522	-	-	56	1,303	43.09%
13	Phòng THADS KV 13	1,524	1,009	515	-	1	1,523	1,047	420	410	10	627	-	445	14	4	13	1,103	40.11%
14	Phòng THADS KV 14	646	454	192	-	1	645	365	189	179	10	175	1	280	-	-	-	456	51.78%

Biểu số: 02/TK-THADS
Ban hành theo TT số: 05/2024/TT-BTP
ngày 10 tháng 6 năm 2024
Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẰNG TIỀN CHIA THEO
CƠ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ VÀ CHẤP HÀNH VIỆN
Từ 01/01/2026 đến 15/6/2026

Đơn vị báo cáo: THADS tỉnh Gia Lai
Đơn vị nhận báo cáo: Cục quản lý THADS

ST T	Tên chi tiêu	Tổng số giải quyết	Chia ra:		Ủy thác THA	Thu hồi, sửa, hủy quyết định THA	Tổng số phải thi hành	Chia ra:											Số chuyển kỳ sau (trừ số chưa có điều kiện THA đã chuyển số theo dõi riêng)	Tỷ lệ thi hành xong trong số có điều kiện
			Năm trước chuyển sang (trừ số chưa có điều kiện THA đã chuyển số theo dõi riêng)	Thụ lý mới				Tổng số có điều kiện thi hành	Chia ra:					Chưa có điều kiện THA (trừ số đã chuyển số theo dõi riêng)	Hoàn THA (trừ số hoàn theo điểm c khoản 1 Điều 48)	Tạm đình chỉ THA	Trường hợp khác			
									Tổng số thi hành xong	Chia ra:		Đang thi hành	Hoàn THA theo điểm c khoản 1 Điều 48							
										Thi hành xong	Đình chỉ THA							Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
I	Tổng cộng	9,254,994,377	7,805,610,386	1,449,383,991	60,959,945	9,611,533	9,184,422,898	4,879,875,262	1,170,315,580	894,381,040	275,934,540	#	3,709,273,970	285,712	3,687,940,264	241,825,181	9,556,968	365,225,223	8,014,107,318	23.98%
	VP THADS tỉnh	983,531,312	893,030,074	90,501,237	52,658,611	-	930,872,701	287,221,717	43,149,139	42,398,751	750,388	#	244,072,578	-	609,206,326	21,635,656	-	12,809,002	887,723,562	15.02%
II	Các Phòng THADS	8,271,463,065	6,912,580,311	1,358,882,754	8,301,334	9,611,533	8,253,550,197	4,592,653,546	1,127,166,441	851,982,289	275,184,152	#	3,465,201,392	285,712	3,078,733,938	220,189,525	9,556,968	352,416,221	7,126,383,756	24.54%
1	Phòng THADS KV 1	2,085,861,669	1,581,869,414	503,992,255	2,696,955	36,996	2,083,127,718	1,402,466,654	300,013,529	290,184,271	9,829,258	#	1,102,453,125	-	659,151,071	4,383,773	57,884	17,068,336	1,783,114,189	21.39%
2	Phòng THADS KV 2	303,404,094	227,588,538	75,815,556	886,441	315,336	302,202,317	153,823,610	45,413,191	41,173,537	4,239,654	#	108,410,419	-	113,386,652	16,076,815	-	18,915,240	256,789,126	29.52%
3	Phòng THADS KV 3	514,412,210	477,444,072	36,968,138	245,199	269,250	513,897,761	129,036,132	26,236,248	25,406,070	830,178	#	102,799,884	-	377,010,321	6,554,057	-	1,297,251	487,661,513	20.33%
4	Phòng THADS KV 4	61,705,063	35,666,210	26,038,853	-	-	61,705,063	45,106,125	21,976,444	21,722,279	254,165	#	23,025,820	103,861	4,921,042	2,430,893	-	9,247,003	39,728,619	48.72%
5	Phòng THADS KV 5	37,265,872	27,908,693	9,357,179	-	-	37,265,872	23,580,210	3,520,962	3,272,996	247,966	#	20,059,248	-	11,293,501	1,891,961	-	500,200	33,744,910	14.93%
6	Phòng THADS KV 6	603,581,955	490,468,966	113,112,989	-	78,101	603,503,854	292,402,055	54,223,978	50,038,270	4,185,708	#	238,178,077	-	134,297,246	86,409,061	86,265	90,309,227	549,279,876	18.54%
7	Phòng THADS KV 7	2,521,306,304	2,270,982,137	250,324,168	3,256,198	2,710,035	2,515,340,071	1,387,494,284	390,715,363	171,184,324	219,531,039	#	996,778,921	-	1,085,266,781	19,077,396	7,473,073	16,028,537	2,124,624,708	28.16%
8	Phòng THADS KV 8	377,152,730	286,357,179	90,795,551	-	152,760	376,999,970	299,154,924	38,499,077	31,548,817	6,950,259	#	260,655,847	-	52,202,901	2,584,636	-	23,057,510	338,500,894	12.87%
9	Phòng THADS KV 9	392,371,570	365,636,736	26,734,833	3,600	152,425	392,215,545	169,548,921	69,229,762	62,924,395	6,305,367	#	100,319,158	-	53,498,490	60,051,771	526,204	108,590,160	322,985,783	40.83%
10	Phòng THADS KV 10	295,897,221	268,992,205	26,905,017	-	0	295,897,221	177,708,172	37,141,784	29,331,318	7,810,465	#	140,566,389	-	93,887,852	11,553,373	508,813	12,239,010	258,755,438	20.90%
11	Phòng THADS KV 11	547,651,409	462,457,062	85,194,347	217,941	5,228,341	542,205,127	169,021,282	50,793,844	41,511,187	9,282,657	#	118,045,588	181,850	325,823,116	6,956,361	-	40,404,368	491,411,283	30.05%
12	Phòng THADS KV 12	223,461,601	163,306,679	60,154,922	-	626,533	222,835,068	129,494,953	29,384,080	26,497,739	2,886,341	#	100,110,873	-	81,916,056	-	-	11,424,059	193,450,988	22.69%
13	Phòng THADS KV 13	215,004,229	165,667,488	49,336,741	-	5,300	214,998,929	159,424,082	54,835,478	53,895,288	940,190	#	104,588,604	-	49,115,370	2,219,428	904,729	3,335,320	160,163,451	34.40%
14	Phòng THADS KV 14	92,382,228	88,230,023	4,152,205	995,000	36,456	91,350,772	54,387,232	5,177,792	3,291,797	1,885,995	#	49,209,439	1	36,963,540	-	-	-	86,172,980	9.52%

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH GIA LAI

PHỤ LỤC 3 - ÁN TÍN DỤNG NGÂN HÀNG 6 THÁNG NĂM 2026

TT	Nguyên nhân	Số việc	Số tiền		
			Số tiền, tài sản phải thi hành án	Số tiền, tài sản đã thi hành án	Số tiền, tài sản còn phải thi hành án
I	Có điều kiện thi hành án	1,183	3,317,454,535	236,634,021	3,078,323,380
1	1.Thi hành xong	152	103,659,349	94,779,419	8,879,931
2	2.Đình chỉ thi hành án	4	787,345	679,507	107,838
3	3.Đang thi hành	989	3,012,154,593	140,968,095	2,868,689,365
4	4.Hoãn thi hành án	25	100,853,153	0	100,853,153
5	5.Tạm đình chỉ thi hành án	1	505,813	0	505,813
6	6.Tạm dừng thi hành án để giải quyết khiếu nại	1	15,858,663	200,000	15,658,663
7	7.Đang trong thời gian tự nguyện thi hành án	2	506,397	7,000	499,397
8	8.Đang trong thời gian chờ ý kiến chỉ đạo nghiệp vụ của cơ quan có thẩm quyền	8	81,165,139	0	81,165,139
9	9.Đang trong thời gian chờ ý kiến Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự	1	1,964,082	0	1,964,082
II	Chưa có điều kiện thi hành (chung)	934	2,025,710,799	62,909,462	1,965,123,255
III	Tỷ lệ (Thi hành xong + đình chỉ) / Tổng số có điều kiện thi hành	13,19%		8,86%	
	Tổng cộng	2,117	5,343,165,334	299,543,483	5,043,446,636

DANH SÁCH VIỆC THI HÀNH ÁN THU HỒI TIỀN, TÀI SẢN
TRONG CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ VỀ KINH TẾ, THAM NHŨNG
(Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 15/6/2026) Phụ lục 4

STT	QĐTHA	Người phải THA	Về việc							Về tiền Đơn vị tính: 1.000 đồng							
			Chia ra		Thi hành xong	Chuyển kỳ sau				Chia ra		Thi hành xong	Chuyển kỳ sau				
			Năm trước chuyển sang	Thụ lý mới		Đang thi hành	Hoãn thi hành án	Trường hợp khác	CCDK (trừ TDR)	Năm trước chuyển sang	Thụ lý mới		Đang thi hành	Hoãn thi hành án	Trườ ng hợp khác	Chưa có ĐK (trừ TDR)	
	Tổng số		69	14	18	24	3	-	38	30,672,166	2,849,424	4,434,621	2,084,270	881,793	-	26,120,906	
I	Thi hành án dân sự tỉnh		34	8	8	15	1	-	18	27,383,578	2,354,482	3,705,374	1,413,130	2	-	24,619,554	
1	212/QĐ-CTHADS 10/7/2020	Ông Huỳnh Hữu Bình và đồng bọn	1						1	294,750						294,750	
2	344/QĐ-CTHADS 19/06/2025	Nguyễn Thị Lệ Chi	1						1	131,784						131,784	
3	1187/QĐ-CTHADS 15/08/2025	Nguyễn Thị Lệ Chi	1						1	26,000,100		2,216,464				23,783,636	
4	2975/52/QĐ-THADS 16/9/2025	Lương Quốc Thọ	1		1					204		204					
5	313/QĐ-CTHADS 28/10/2014	Hồ Thị Thu Hương Tổ 7, KV7, phường Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn, Bình Định	1						1	84,400						84,400	
6	154/QĐ-THADS 24/3/2021	Đặng Văn Cườm 423 Lê Thánh Tôn, Pleiku, Gia Lai	1			1				53,079		15,000	38,079				
7	01/QĐ-THADS 05/10/2023	Nguyễn Đức, Trần Thị Hường- Thôn 6, phường Diên Hồng, Gia Lai	1				1			2				2			
8	333 ngày 06/3/2023	Bành Tấn Thiện	1	-	-	-	-		1	55,000	-	-	-	-		55,000	

STT	QĐTHA	Người phải THA	Về việc							Về tiền Đơn vị tính: 1.000 đồng						
			Chia ra		Thi hành xong	Chuyển kỳ sau				Chia ra		Thi hành xong	Chuyển kỳ sau			
			Năm trước chuyển sang	Thụ lý mới		Đang thi hành	Hoãn thi hành án	Trường hợp khác	CCDK (trừ TDR)	Năm trước chuyển sang	Thụ lý mới		Đang thi hành	Hoãn thi hành án	Trường hợp khác	Chưa có ĐK (trừ TDR)
9	251 ngày 06/3/2023	Nguyễn Mậu Khanh	1	-	-	-	-		1	90,000	-	-	-	-		90,000
10	254 ngày 06/3/2023	Nguyễn Ngọc Quý	1	-	-	1	-		-	10,000	-	-	10,000	-		-
11	255 ngày 06/3/2023	Nguyễn Quang Đại	1	-	-	-	-		1	15,000	-	-	-	-		15,000
12	381 ngày 06/3/2023	Đỗ Thị Mai Hoa	1	-	-	-	-		1	9,000	-	-	-	-		9,000
13	273 ngày 06/3/2023	Đoàn Thị Kim Phương	1	-	-	1	-		-	7,000	-	-	7,000	-		-
14	277 ngày 06/3/2023	Mai Thị Bé	1	-	-	1	-		-	18,500	-	-	18,500	-		-
15	369 ngày 06/3/2023	Phạm Thị Hiền	1	-	-	1	-		-	7,600	-	-	7,600	-		-
16	366 ngày 06/3/2023	Phan Tú Trình	1	-	-	1	-		-	20,000	-	-	20,000	-		-
17	280 ngày 06/3/2023	Nguyễn Ngọc Mến	1	-	-	-	-		1	2,001	-	-	2,001	-		-
18	382 ngày 06/3/2023	Đỗ Thị Mai Loan	1	-	-	-	-		1	13,400	-	-	-	-		13,400
19	272 ngày 06/3/2023	Đặng Thị Thảo	1	-	-	1	-		-	2,000	-	-	2,000	-		-

STT	QĐTHA	Người phải THA	Về việc							Về tiền Đơn vị tính: 1.000 đồng						
			Chia ra		Thi hành xong	Chuyển kỳ sau				Chia ra		Thi hành xong	Chuyển kỳ sau			
			Năm trước chuyển sang	Thụ lý mới		Đang thi hành	Hoãn thi hành án	Trường hợp khác	CCDK (trừ TDR)	Năm trước chuyển sang	Thụ lý mới		Đang thi hành	Hoãn thi hành án	Trườ ng hợp khác	Chưa có ĐK (trừ TDR)
20	274 ngày 06/3/2023	Hoàng Ngọc Khanh	1	-	-	-	-		1	6,400	-	-	-	-		6,400
21	371 ngày 06/3/2023	Phan Ngọc Thuần	1	-	-	-	-		1	4,968	32	-	-	-		5,000
22	281 ngày 06/3/2023	Nguyễn Thị Dụ	1	-	-	-	-		1	8,000	-	-	-	-		8,000
23	365 ngày 06/3/2023	Huỳnh Thị Bích Ngọc	1	-	-	-	-		1	8,000	-	-	-	-		8,000
24	389 ngày 06/3/2023	Đinh T Mỹ Trinh	1	-	-	-	-		1	15,000	-	-	-	-		15,000
25	390 ngày 06/3/2023	Lê Ánh Nguyệt	1	-	-	1	-		-	4,000	-	-	-	-		4,000
26	393 ngày 06/3/2024	Nông T Ngọc Ánh	1	-	-	1	-		-	182,000	-	-	182,000	-		-
27	27 ngày 10/10/2023	Hoàng Văn Thái	1	-	-	1	-		-	124,201	-	-	124,201	-		-
28	217 ngày 15/1/2024	Tô T Thu Thảo	1	-	-	-	-		1	1,984	-	-	-	-		1,984
29	437 ngày 28/6/2024	Lê Thị Loan	1	-	-	-	-		1	70,200	-	-	-	-		70,200
30	275 ngày 06/3/2023	Huỳnh Thị Phúc	1	-	-	1	-		-	40,001	-	-	40,001	-		-
31	276 ngày 06/3/2023	Lê Ngọc Thiện	1	-	-	-	-		1	25,001	-	1,001	-	-		24,000
32	368 ngày 06/3/2023	Phạm Thị Phương Linh	1	-	-	1	-		-	15,001	-	-	15,001	-		-
33	4224 ngày 12/12/2025	Nguyễn Thị Bích Nga	-	1	-	1	-		-	-	692,306	36,200	656,106			
34	4227 ngày 12/12/2025	Nguyễn Thanh Yên	-	1	-	1	-		-	-	225,735	25,333	200,402			
35	283 ngày 06/3/2023	Nguyễn Thị Xuân Oanh	1	-	1	-	-		-	60,001	-	60,001	-	-		-
36	284 ngày 06/3/2023	Nguyễn Văn Tiến	1	-	1	-	-		-	5,001	-	5,001	-	-		-
37	2582 ngày 11/11/2025	Võ Đình Sớm	-	1	1	-	-		-	-	401	401	-			

STT	QĐTHA	Người phải THA	Về việc							Về tiền Đơn vị tính: 1.000 đồng						
			Chia ra		Thi hành xong	Chuyển kỳ sau				Chia ra		Thi hành xong	Chuyển kỳ sau			
			Năm trước chuyển sang	Thụ lý mới		Đang thi hành	Hoãn thi hành án	Trường hợp khác	CCDK (trừ TDR)	Năm trước chuyển sang	Thụ lý mới		Đang thi hành	Hoãn thi hành án	Trường hợp khác	Chưa có ĐK (trừ TDR)
38	4229 ngày 12/12/2025	Thạch Thị Ngọc Dung	-	1	1	-	-		-	-	400	400	-			
39	6885/QĐ-THADS 10/02/2026	Nguyễn Thị Luyện Số 28 Nguyễn Đình Chiểu, thôn Đông Hà, xã Chư Prông, tỉnh Gia Lai		1		1					205,449	115,210	90,239			
40	6887/QĐ-THADS 10/02/2026	Hà Ngọc Thân thôn 2, xã Chư Prông, tỉnh Gia Lai		1	1						9,039	9,039				
41	11246/QĐ-THADS 13/05/2026	Trần Minh Lượng Tổ 2, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai Lê Đình Vương 26/2 Đặng Trần Côn, tổ 3, phường Hải Phú, tỉnh Gia Lai		1	1						1,100,920	1,100,920	-			
42	9053/QĐ-THADS 06/4/2026	Trần Ngọc Hiền phường Quy Nhơn Đông, tỉnh Gia Lai		1	1						120,200	120,200				
II	Phòng THADS KV		35	6	10	9	2	-	20	3,288,588	494,942	729,247	671,140	881,791	-	1,501,352
1	Phòng THADS KV1		1	-	-	1	-		-	381,800	-	-	381,800	-		-
43	190/QĐ-CCTHADS 19/10/2017	Trần Hùng Tân Nguyễn Kế Quang 18 Tổ Hữu, TP. Quy Nhơn	1	-		1				381,800	-		381,800			
2	Phòng THADS KV3		4	-	-	-	2		2	889,441	-	-	-	812,935		76,506
44	244/QĐ-CCTHADS 03/3/2021	Đỗ Văn Huệ Bình Trị, Mỹ Quang	1				1			85,376				85,376		
45	148/QĐ-CCTHADS 15/12/2020	Đỗ Văn Huệ Bình Trị, Mỹ Quang. Bưu điện huyện Phù Mỹ.	1	-	-	-	1			727,559		-	-	727,559		
46	05/QĐ-CCTHADS 11/10/2021	Hồ Thị Bích Lệ, Trần Thị Nữ Thị trấn Phù Mỹ	1						1	16,169						16,169

STT	QĐTHA	Người phải THA	Về việc							Về tiền Đơn vị tính: 1.000 đồng						
			Chia ra		Thi hành xong	Chuyển kỳ sau				Chia ra		Thi hành xong	Chuyển kỳ sau			
			Năm trước chuyển sang	Thụ lý mới		Đang thi hành	Hoãn thi hành án	Trường hợp khác	CCDK (trừ TDR)	Năm trước chuyển sang	Thụ lý mới		Đang thi hành	Hoãn thi hành án	Trườ ng hợp khác	Chưa có ĐK (trừ TDR)
47	06/QĐ- CCTHADS 11/10/2021	Hồ Thị Bích Lệ, Trần Thị Nữ Thị trấn Phú Mỹ	1						1	60,337						60,337
3	Phòng THADS KV4		6	2	4	1	-	-	3	219,175	94,542	195,361	-	68,856	-	49,500
48	379/THA 23/9/2023	Hồ Thị Cẩm Lệ - Hòa Trung, Bình Tường	1	-	1	-	-	-		94,514	-	94,514	0	0	0	
49	34/QĐ- CCTHADS 07/01/2020	Trần Văn Thắng và đồng bọn; Đinh Tổ, TT. Vĩnh Thạnh, Vĩnh Thạnh, Bình Định	1	-	-	1	-	-	-	68,856	-	-		68,856	0	0
50	22/QĐ- CCTHADS 14/11/2024	Vụ Nguyễn Mộng Hoàng Định Tổ, TT. Vĩnh Thạnh+Trần Hữu Thiên Định Trường, Vĩnh Quang	1		-	-	-	-	1	20,500			0	0	0	20,500
51	69/QĐ- CCTHADS 21/02/2025	Nguyễn Mộng Hoàng KP Định Tổ, TT. Vĩnh Thạnh	1			-	-	-	1	2,000			0	0	0	2,000
52	2494/52-4/QĐ- THADS 09/9/2025	Đinh Ren, Đinh Gôn, Đinh Tuynh, Vĩnh Sơn, Gia Lai	1		1	-	-		-	6,305		6,305	0	0	0	0
53	2496/52-4/QĐ- THADS 09/9/2025	Võ Phong Trọng, Thuận Hiệp, Bình Thuận	1		-	-	-	-	1	27,000			0	0	0	27,000
54	6218/QĐ- THADS 28/01/2026	Đinh Uron, làng 6, Vĩnh Quang		1	1						50,000	50,000				

STT	QĐTHA	Người phải THA	Về việc							Về tiền Đơn vị tính: 1.000 đồng						
			Chia ra		Thi hành xong	Chuyển kỳ sau				Chia ra		Thi hành xong	Chuyển kỳ sau			
			Năm trước chuyển sang	Thụ lý mới		Đang thi hành	Hoãn thi hành án	Trường hợp khác	CCDK (trừ TDR)	Năm trước chuyển sang	Thụ lý mới		Đang thi hành	Hoãn thi hành án	Trường hợp khác	Chưa có ĐK (trừ TDR)
55	6970/QĐ-THADS 11/02/2026	Đình Uơn làng 6, xã Vĩnh Quang		1	1						44,542	44,542				
4	Phòng THADS KV7		3	3	3	2	-	-	1	146,600	400,400	493,118	42,282	-	-	11,600
56	07/QĐ-CCTHADS 12/7/2024	Đình Văn Dũng 44 Lê Hồng Phong, phường Diên Hồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai Trần Anh Quang Thôn Ân Thường, xã Ân Thạnh, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định	1			1				129,000		91,218	37,782			
57	373/QĐ-CTHADS	Trần Thị Kim Chi ; Thôn Đồng Tâm, xã Ia Din, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai	1			1				6,000		1,500	4,500			
58	375/QĐ-CTHADS	Trần Ngọc Chánh ; lô 103 chợ Trà Bá, phường Trà Bá, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	1						1	11,600						11,600
59	472/QĐ-THADS 11/10/2025	Đình Thị Giang Số 63/01/03 Tôn Thất Thuyết, tổ 4, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai (nay là phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai)		1	1						100,200	100,200				
60	481/QĐ-THADS 11/10/2025	Đỗ Thị Hiền Làng Plei Ôp, phường Hoa Lư, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai (nay là phường Pleiku, tỉnh Gia Lai)		1	1						200	200				
61	482/QĐ-THADS 11/10/2025	Đặng Thị Thanh Bình 79 Tô Vĩnh Diện, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai (nay là 79 Tô Vĩnh Diện, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai)		1	1						300,000	300,000				

STT	QĐTHA	Người phải THA	Về việc							Về tiền Đơn vị tính: 1.000 đồng						
			Chia ra		Thi hành xong	Chuyển kỳ sau				Chia ra		Thi hành xong	Chuyển kỳ sau			
			Năm trước chuyển sang	Thụ lý mới		Đang thi hành	Hoãn thi hành án	Trường hợp khác	CCDK (trừ TDR)	Năm trước chuyển sang	Thụ lý mới		Đang thi hành	Hoãn thi hành án	Trường hợp khác	Chưa có ĐK (trừ TDR)
5	Phòng THADS KV8		-	1	1	-	-	-	-	201	-	201	-	-	-	-
62	4141/QĐ-THADS 10/12/2025	Cao Văn Lộc Thôn Thống Nhất, xã Ia Krêl, tỉnh Gia Lai		1	1					201		201				
6	Phòng THADS KV11		8	-	2	1	-		5	842,576	-	15,367	5,000	-		822,209
63	07/THA 04/10/2024	Nguyễn Thị Hương 337 Hùng Vương, TT Chư Sê	1			1				5,000			5,000			
64	17/THA 04/10/2024	Lê Trọng Bằng Ia choan Luh, xã Kông Htok	1						1	15,000						15,000
65	94/THA 02/11/2023	Trần Thị Ngoan; TDP 7, tt Chư Sê, huyện Chư Sê	1						1	7,000						7,000
66	147/THA 31/12/2024	Nguyễn Thị Mỹ; TDP 2, tt Chư Sê, Chư Sê, Gia Lai	1						1	780,257						780,257
67	04/THA 05/10/2023	Lưu Thị Len Thôn Mỹ Thạch 1, TT Chư Sê, Chư Sê	1		1					10,000		10,000				
68	353/THA 14/04/2021	Nguyễn Thị Kim Phụng Làng Tok Rok, xã Ia Blang	1		1					5,367		5,367				
69	144/THA 31/12/2024	Ng Thị Ngọc Trâm(Mỹ Thạch 1) + Lê Thị Dương(Hăng Rìng)- TT Chư Sê	1						1	18,900			-			18900
70	04/THA 06/01/2025	Nguyễn Thanh Phương Lê Thị Hòa Thôn 3, Ia Hlốp, Chư Sê	1						1	1,052						1,052

STT	QĐTHA	Người phải THA	Về việc							Về tiền Đơn vị tính: 1.000 đồng							
			Chia ra		Thi hành xong	Chuyển kỳ sau				Chia ra		Thi hành xong	Chuyển kỳ sau				
			Năm trước chuyển sang	Thụ lý mới		Đang thi hành	Hoãn thi hành án	Trường hợp khác	CCDK (trừ TDR)	Năm trước chuyển sang	Thụ lý mới		Đang thi hành	Hoãn thi hành án	Trườ ng hợp khác	Chưa có ĐK (trừ TDR)	
7	Phòng THADS KV12		11	-	-	2	-	-	9	754,737	-	25,200	188,000	-	-	541,537	
71	05/QĐ- CCTHADS; 12/10/2018	Hàn Thị Phúc	1			1				90,000	-	2,000	88,000	0		0	
72	08/QĐ- CCTHADS; 12/10/2018	Võ Đức Cường	1			1				100,000	-		100,000	0		0	
73	47 07/12/2021	Rcom Hưng	1			-			1	44,734						44,734	
74	56 10/02/2020	Nguyễn Minh Hải (ĐB)	1						1	256,443		-				256,443	
75	84 04/3/2021	Lê Thị Minh Trang (ĐB)	1						1	43,446		-				43,446	
76	143 25/5/2021	Nguyễn Thị Thanh Tâm (ĐB)	1						1	64,062		-				64,062	
77	77 06/02/2023	Cao Văn Nam (ĐB)	1						1	78,600		23,200				55,400	
78	78 06/02/2023	Lê Văn Lâm	1						1	23,480		-				23,480	
79	157 05/5/2017	Phạm Văn Cường	1						1	9,400		-				9,400	
80	72 23/12/2014	Huỳnh T.H.Hung (ĐB)	1						1	29,843		-				29,843	
81	10 20/10/2023	Lương Thị Nguyệt Hào	1						1	14,729		-				14,729	
8	Phòng THADS KV14		2	-	-	2	-	-	-	54,058	-	-	54,058	-	-	-	

STT	QĐTHA	Người phải THA	Về việc							Về tiền Đơn vị tính: 1.000 đồng						
			Chia ra		Thi hành xong	Chuyển kỳ sau				Chia ra		Thi hành xong	Chuyển kỳ sau			
			Năm trước chuyển sang	Thụ lý mới		Đang thi hành	Hoãn thi hành án	Trường hợp khác	CCĐK (trừ TDR)	Năm trước chuyển sang	Thụ lý mới		Đang thi hành	Hoãn thi hành án	Trường hợp khác	Chưa có ĐK (trừ TDR)
82	228/QĐ-CCTHADS 16/01/2024	Nguyễn Văn Kiên, Đinh Văn Nhâu, Đinh Nhi, Đinh Văn Sạc, Đinh Ri, Đinh Hò - Cùng địa chỉ: Làng Buôn Lưới, xã Sơ Pai, Kbang, Gia Lai; Tạ Hồng Ngọc - Tổ 2, phường An Phước, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai	1			1				6,618			6,618			
83	229/QĐ-CCTHADS 16/01/2024	Nguyễn Văn Kiên, Đinh Văn Nhâu, Đinh Nhi, Đinh Văn Sạc, Đinh Ri, Đinh Hò - Cùng địa chỉ: Làng Buôn Lưới, xã Sơ Pai, Kbang, Gia Lai; Tạ Hồng Ngọc - Tổ 2, phường An Phước, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai	1			1				47,440			47,440			

BÁN ĐẤU GIÁ TÀI SẢN 6 THÁNG NĂM 2026 (Phụ lục 5)

TT	Tên chỉ tiêu	Việc	Tiền
	A	I	2
I	Tổng số việc bán đấu giá thành	100	359,844,261
1	Đã giao	69	195,647,223
2	Chưa giao	31	164,197,038
3	Hủy	0	0
II	Loại việc	96	351,946,655
1	Đã giao, chưa giao hay hủy	66	189,272,783
2	Đã giao	30	162,673,872
3	Chưa giao	0	0
III	Kỳ trước chuyển sang	4	7,897,606
1	Đã giao, chưa giao hay hủy	3	6,374,440
2	Đã giao	1	1,523,166
3	Chưa giao	0	0
IV	Bán đấu giá thành đã giao được tài sản	69	195,647,223
V	Hủy kết quả bán đấu giá tài sản	0	0
	Lý do hủy kết quả bán đấu giá	0	0
1	Hủy kết quả bán đấu giá	0	0
2	Thỏa thuận	0	0
3	Bản án tuyên hủy	0	0
VI	Tổng số bán đấu giá thành nhưng chưa giao được tài sản	31	164,197,038
	Lý do chưa giao được tài sản	31	164,197,038
1	Chưa giao được tài sản	0	0
2	Chưa có sự đồng thuận trong các cơ quan địa phương	5	12,669,100
3	Đương sự chống đối quyết liệt	2	29,105,000
4	Đương sự đang khiếu nại, tố cáo	0	0
5	Đang khởi kiện yêu cầu hủy kết quả bán đấu giá hoặc có tranh chấp về tài sản bán đấu giá	0	0
6	Người mua không nhận tài sản do quá thời hạn chưa giao được	0	0
7	Tài sản đã bán không đúng thực tế	8	42,777,154
8	Người mua chưa nộp đủ tiền mua tài sản	7	13,943,511
9	Mới bán đấu giá thành, các đương sự đang thỏa thuận về thời hạn giao tài sản	0	0
10	Hoãn thi hành án	0	0
11	Tạm đình chỉ thi hành án	1	56,500,000
12	Tạm dừng để giải quyết khiếu nại	0	0
13	Đang trong thời gian chờ ý kiến chỉ đạo nghiệp vụ của cơ quan có thẩm quyền	0	0
14	Đang trong thời gian chờ ý kiến Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự	8	9,202,273
V	Tài sản bán đấu giá	100	359,844,261
1	Đất nông nghiệp	6	9,545,409
2	Quyền sử dụng đất	64	216,969,654
3	Cây ăn quả	3	825,468
4	Xe máy	1	22,170
5	Máy móc thiết bị	1	56,500,000
6	Nhà xưởng và tài sản gắn liền trên đất	6	11,697,044
7	Nhà cấp 4	9	33,428,894
8	Nhà ở và tài sản gắn liền	9	29,065,462
9	Nhà và đất	1	1,790,160

KẾT QUẢ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP CƯỖNG CHẾ TRONG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ (Phụ lục 6)

Đơn vị tính: Việc

STT	Tên chỉ tiêu	Tổng số việc thi hành án có ra quyết định cưỡng chế	Chia ra:		Kết quả thi hành việc đã áp dụng biện pháp cưỡng chế	Chia ra:	
			Cưỡng chế không huy động lực lượng	Cưỡng chế có huy động lực lượng		Đã thi hành xong	Chưa thi hành xong
A		2	3	4	5	6	7
	Tổng số	107	89	18	107	54	53
I	VP THADS tỉnh	7	3	4	7	2	5
II	Các Phòng THADS KV	100	86	14	100	52	48
1	Phòng THADS KV 1	33	30	3	33	29	4
2	Phòng THADS KV 2	8	8		8	2	6
3	Phòng THADS KV 3	8	4	4	8	4	4
4	Phòng THADS KV 4	2	2	-	2	2	-
5	Phòng THADS KV 5	3	3	-	3	-	3
6	Phòng THADS KV 6	8	1	7	8	1	7
7	Phòng THADS KV 7	8	8	-	8	4	4
8	Phòng THADS KV 8	8	8	-	8	4	4
9	Phòng THADS KV 9	11	11	-	11	2	9
10	Phòng THADS KV 10	4	4	-	4	3	1
11	Phòng THADS KV 11	4	4	-	4	-	4
12	Phòng THADS KV 12						
13	Phòng THADS KV 13						
14	Phòng THADS KV 14	3	3		3	1	2

KẾT QUẢ THEO DÕI THI HÀNH ÁN HÀNH CHÍNH (Phụ lục 7)

Đơn vị tính: Việc

STT	Tên chỉ tiêu	Số bản án, quyết định về vụ án hành chính cơ quan THADS đã nhận chuyển giao từ Tòa án	Tổng số bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính phải theo dõi	Chia ra:						Kết quả theo dõi thi hành bản án, quyết định THAHC, trong đó:								Số bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính đã thi hành xong
				Số bản án, quyết định tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện						Số bản án, quyết định khác của Tòa án về vụ án hành chính	Số việc đã ban hành văn bản thông báo tự nguyện THA	Số việc cơ quan THADS đã làm việc với người phải THA	Tổng số quyết định buộc THAHC đã đăng tải công khai	Số vụ việc cơ quan THADS có văn bản kiến nghị xử lý trách nhiệm người không chấp hành án				
				Đã có quyết định buộc THA			Chưa có quyết định buộc THA							Tổng số	Chia ra:			
				Tổng số	Chia ra:		Tổng số	Chia ra:							Đã nhận được kết quả xử lý trách nhiệm	Chưa nhận được kết quả xử lý trách nhiệm		
					Năm trước chuyển sang	Thụ lý mới		Năm trước chuyển sang	Thụ lý mới							Số trường hợp bị xử lý	Số trường hợp không bị xử lý	
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	Tổng số	34	17	5	4	1	12	6	6		17	11						4
I	VP THADS tỉnh	34	11	5	4	1	6	5	1		11	10	5		-	-	-	1
II	Các Phòng THADS KV		6	-			6	1	5		6	1	-					3
1	Phòng THADS KV 1		1	-			1	1			1	1						
2	Phòng THADS KV 7		1	-			1		1		1							1
3	Phòng THADS KV 8		1	-			1		1		1							
4	Phòng THADS KV 9		1	-			1		1		1							
5	Phòng THADS KV 13		2	-			2		2		2							2

PHỤ LỤC 8

KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỔ CÁO VỀ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Đơn vị tính: Việc

STT	Tên đơn vị	Số việc thụ lý (Việc)								Kết quả giải quyết số việc thuộc thẩm quyền (Việc)					
		Chia theo thời điểm tiếp nhận		Chia theo nội dung						Thu hồi thông báo thụ lý	Đỉnh chỉ giải quyết khiếu nại	Đúng toàn bộ	Đúng một phần	Sai toàn bộ	Chưa giải quyết chuyển kỳ sau
				Quyết định về THA		Áp dụng biện pháp cưỡng chế		Áp dụng biện pháp bảo đảm	Nội dung khác						
		Số năm trước chuyển sang	Số mới nhận	Quyết định THA	Quyết định khác về THA	Biện pháp kê biên, xử lý tài	Biện pháp khác								
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Thi hành án dân sự tỉnh														
1.1	Khiếu nại	-	12	2	8	1	1	-	-	1	1	-	-	9	1
1.2	Tổ cáo	-	3	-	-	-	3	-	-	-	1	-	-	-	2